



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO  
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
MÙA KHÔ NĂM 2024 – 2025**

**HÀ NỘI, THÁNG 11/2024**

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034;  
Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [vttcdbttn@monre.gov.vn](mailto:vttcdbttn@monre.gov.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. LỜI GIỚI THIỆU .....</b>	<b>3</b>
<b>II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....</b>	<b>5</b>
<b>2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....</b>	<b>5</b>
2.1.1. Mục nước .....	5
2.1.2. Chất lượng nước .....	7
<b>2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....</b>	<b>8</b>
2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) .....	8
2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	9
<b>2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....</b>	<b>10</b>
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>10</b>

## I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất Thành phố Hải Phòng được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Thành phố Hải Phòng là thành phố thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 1.527 km<sup>2</sup>. Đặc điểm khí hậu của Thành phố là mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất của Thành phố gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocen (qh) và tầng chứa nước Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho tầng chứa nước qh là 125.523 m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước qp là 168.005 m<sup>3</sup>/ngày.

Nội dung chính của bản tin mùa mưa bao gồm: Thông báo mực nước và chất lượng nước dưới đất mùa mưa năm 2024, dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước như mực nước, chất lượng nước trong phạm vi 7 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: [dttnnddat@monre.gov.vn](mailto:dttnnddat@monre.gov.vn)

Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn).

Trong mùa mưa năm 2024 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ năm trước có xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qh<sub>1</sub>, qh<sub>2</sub>, qp<sub>1</sub>.

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024 - 2025 so với mực nước thực đo mùa khô năm 2023 - 2024 có xu thế hạ tại lớp chứa nước qh<sub>2</sub>, xu thế dâng tại lớp chứa nước qp<sub>1</sub>, xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qh<sub>1</sub>,

Trong khu vực Thành phố Hải Phòng thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình tháng lớn hơn 50% so với mực nước hạ thấp cho phép. Tuy nhiên có một công trình có độ mặn và hàm lượng Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT/.

***Chi tiết xem nội dung bản tin./.***

## II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

### 2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

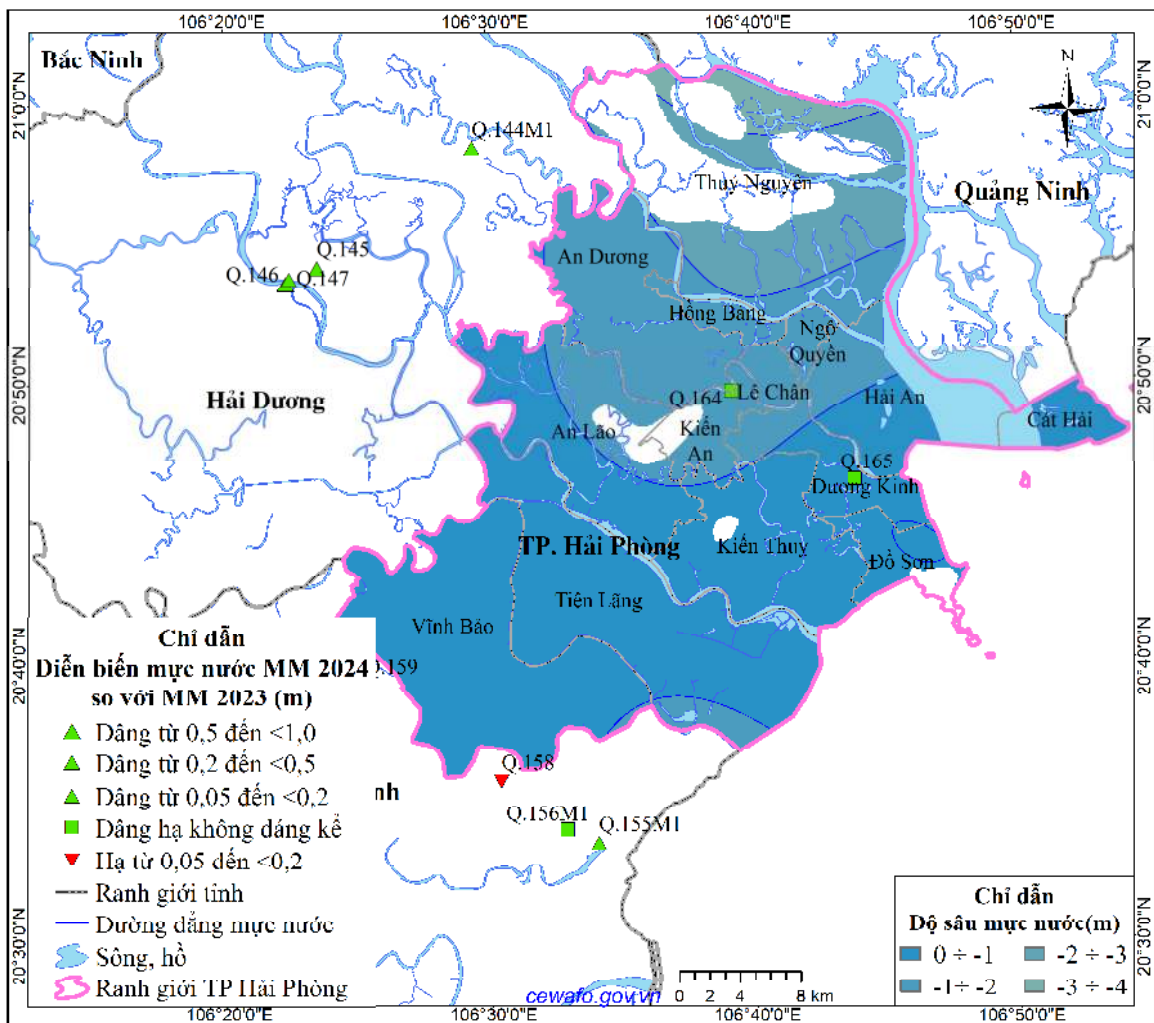
#### 2.1.1. Mục nước

##### 2.1.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

###### a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh<sub>2</sub>)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,16m tại xã Hải Thành, huyện Dương Kinh (Q.165) và sâu nhất là -1,68m tại P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qh<sub>2</sub> (m)

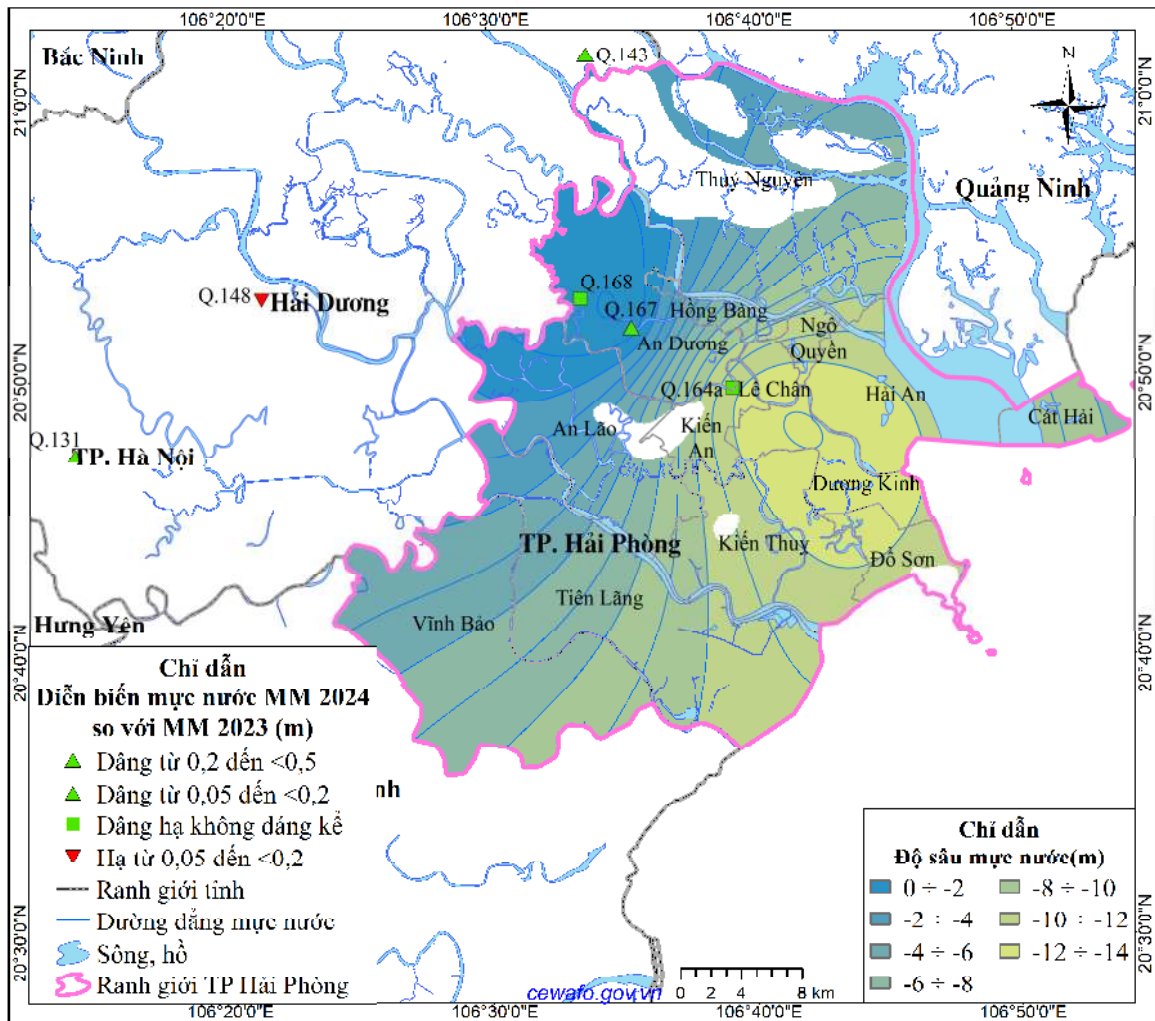
Thời gian	P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164)	Xã Hải Thành, huyện Dương Kinh (Q.165)
Tháng 5	-1,72	-0,24
Tháng 6	-1,71	-0,20
Tháng 7	-1,66	-0,15
Tháng 8	-1,64	-0,17

Thời gian	P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164)	Xã Hải Thành, huyện Dương Kinh (Q.165)
Tháng 9	-1,67	-0,06
Tháng 10	-1,68	-0,14

*b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh<sub>1</sub>)*

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,23m tại Xã Lê Lợi, huyện An Dương (Q.167).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,2m tại Xã Hồng Phong, huyện An Dương (Q.168) và sâu nhất là -11,69m tại P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164a).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qh<sub>1</sub> (m)

Thời gian	P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164a)	Xã Lê Lợi, huyện An Dương (Q.167)	Xã Hồng Phong, huyện An Dương (Q.168)
Tháng 5	-11,75	-0,63	-0,24
Tháng 6	-11,70	-0,68	-0,22
Tháng 7	-11,66	-0,51	-0,17

Thời gian	P. Quán Trữ, Q. Kiến An (Q.164a)	Xã Lê Lợi, huyện An Dương (Q.167)	Xã Hồng Phong, huyện An Dương (Q.168)
Tháng 8	-11,64	-0,49	-0,19
Tháng 9	-11,68	-0,41	-0,20
Tháng 10	-11,69	-0,72	-0,20

### 2.1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Theo kết quả quan trắc tại xã Lê Lợi, huyện An Dương (Q.167a). Mức nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm trước

*Bảng 3. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa mưa lớp qp<sub>1</sub> (m)*

Thời gian	Xã Lê Lợi, huyện An Dương (Q.167a)
Tháng 5	-6,85
Tháng 6	-6,79
Tháng 7	-6,47
Tháng 8	-6,28
Tháng 9	-5,87
Tháng 10	-6,08

### 2.1.2. Chất lượng nước

#### 2.1.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

##### a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh<sub>2</sub>)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước mặn. Theo QCVN09:2023/BTNMT có 2/2 công trình vượt GTGH (1.500mg/l) với giá trị như sau:

Công trình Q.164 (P. Quán Trữ, Q. Kiến An) là: 2104mg/l

Công trình Q.165 (xã Hải Thành, huyện Dương Kinh) là: 11680mg/l

##### b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh<sub>1</sub>)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.168 (xã Hồng Phong, huyện An Dương).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu thấp hơn GTGH.

- Chỉ tiêu Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.168 (Xã Hồng Phong, huyện An Dương, TP. Hải Phòng).

Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qh<sub>1</sub>

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH <sub>4</sub>
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.164a	1603	0,33	0,001	0,000	0,002	1,58
Q.167	614	0,10	0,000	0,000	0,000	0,98
Q.168	2391	0,32	0,004	0,000	0,009	2,17

### 2.1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

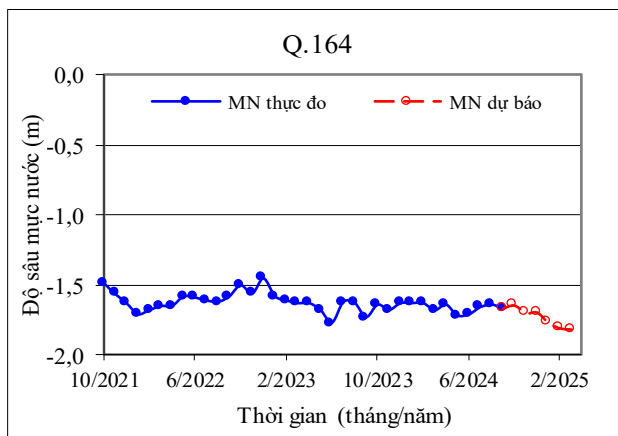
Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình Q.167a (xã Lê Lợi, huyện An Hải) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Theo QCVN09:2023/BTNMT có chỉ tiêu Mangan và Amoni vượt quá GTGH với giá trị là 1,00 mg/l và 1,45mg/l.

## 2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

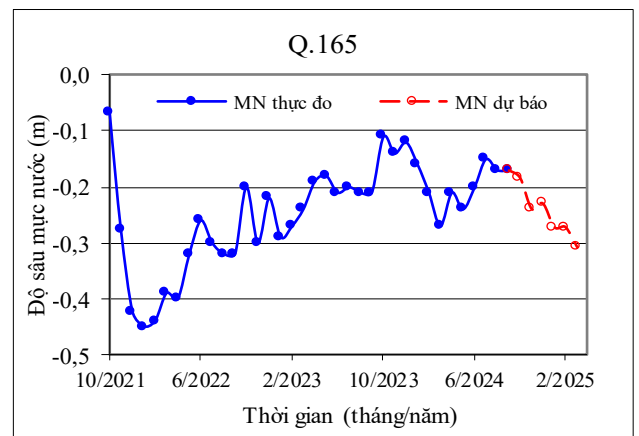
### 2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

#### a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh<sub>2</sub>)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế hạ so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



a. P. Quán Trữ, quận Kiến An (Q.164)



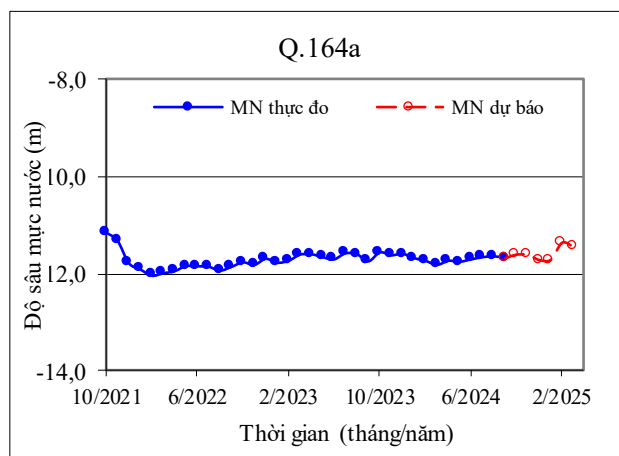
b. Xã Hải Thành, huyện Kiến Thụy (Q.165)

Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh<sub>2</sub>

#### b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh<sub>1</sub>)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.164a như sau

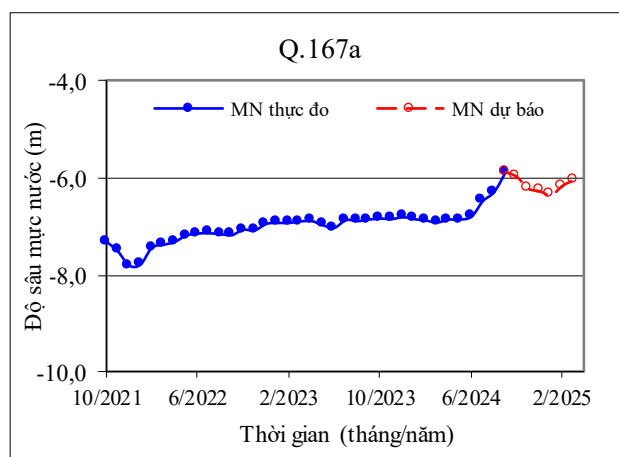




Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh<sub>1</sub>

### 2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.167a như sau.



Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp<sub>1</sub>

Bảng 5. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
<b>I. Tầng chứa nước Holocene (qh)</b>						
<b>I.1 Lớp chứa nước Holocene thượng (qh2)</b>						
1	Q.164	P. Quán Trữ, Q. Kiến An	-1,65	-1,81	-1,74	03/2025
2	Q.165	xã Hải Thành, huyện Dương Kinh	-0,18	-0,31	-0,25	03/2025
<b>I.2 Lớp chứa nước Holocene hạ (qh1)</b>						
1	Q.164a	P. Quán Trữ, Q. Kiến An	-11,36	-11,72	-11,58	12/2024
<b>II. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) - Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp1)</b>						
1	Q.167a	xã Lê Lợi, huyện An Dương	-5,97	-6,34	-6,16	01/2025

### **2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất**

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong Thành phố Hải Phòng thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Hiện tại, trong khu vực Thành phố Hải Phòng chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Nhìn chung mực nước và chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc Thành phố Hải Phòng đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Amoni vượt quá GTGH so với QCVN09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO <sub>3</sub> - tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO <sub>2</sub> - tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F <sup>-</sup> )	mg/l	1
	11	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>6</sub> )	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>6</sub> O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> )	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C <sub>12</sub> H <sub>21</sub> N <sub>2</sub> O <sub>3</sub> PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C <sub>10</sub> H <sub>14</sub> NO <sub>5</sub> PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện